

Bản án số: 181/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03-8-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Anh Dũng.
- Ông Mai Huy Mân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Đặng Thảo N**, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã TT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn G**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/4/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Đặng Thảo N trình bày: Chị và anh Trần Văn G kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LT, huyện CL, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106/2013 ngày 23/10/2013, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G;

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thanh P, sinh ngày 06/6/2014 hiện sống chung với anh G. Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh G nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Đặng Thảo N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Đặng Thảo N khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn G, anh G có địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ Lợi A, xã LT, huyện CL, tỉnh TG. Do vậy, căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Đặng Thảo N và anh Trần Văn G kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LT, huyện CL, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106/2013 ngày 23/10/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị N trình bày: sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và tự sống ly thân đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm nhau. Riêng đối với anh G, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị N ly hôn anh vẫn bỏ mặc và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị N nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh G thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh, chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị N và anh G có 01 con chung tên Trần Thanh P, sinh ngày 06/6/2014. Xét thấy, hiện tại con chung do anh G đang nuôi dưỡng ổn định nên tiếp tục giao con chung cho anh G nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh G không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Đăng Thảo N. Cho chị Nguyễn Đăng Thảo N được ly hôn anh Trần Văn G.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Trần Thanh P, sinh ngày 06/6/2014 cho anh Trần Văn G nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Đăng Thảo N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Đăng Thảo N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016085 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 03 tháng 8 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: -

-

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 241/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Đặng Thảo N**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp Thạnh Yên, xã TT, huyện GCT, tỉnh TG.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Văn G**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp Mỹ Lợi A, xã LT, huyện CL, tỉnh TG.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Đăng Thảo N. Cho chị Nguyễn Đăng Thảo N được ly hôn anh Trần Văn G.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Trần Thanh P, sinh ngày 06/6/2014 cho anh Trần Văn G nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Đăng Thảo N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Đăng Thảo N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016085 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 03 tháng 8 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa